

Số: 22/2020/QĐST- HNGĐ

Cửa Lò, ngày 19 tháng 3 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 106/2019/TLST-HNGĐ ngày 20/12/2019; giữa:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T1 - sinh năm 1980.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Doãn T2 - sinh năm 1976.

Đều trú tại: khối Hải N, phường Nghi H, thị xã C, Nghệ An.

(Trước đây sở Hộ khẩu là khối Tân Q phường Nghi H, thị xã C)

Căn cứ vào điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12/3/2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn hoà giải thành ngày 12/3/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị T1 và anh Nguyễn Doãn T2.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Doãn M, sinh ngày 07/8/2003 và Nguyễn Doãn Q, sinh ngày 09/12/2006. Hai cháu M, Q hiện nay đang ở cùng với chị Hoàng Thị T1 và anh Nguyễn Doãn T2.

Anh Nguyễn Doãn Trung trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Doãn Q. Chị Hoàng Thị T1 trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Doãn M. Anh Nguyễn Doãn T2, chị Hoàng Thị T1

có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Cả 2 bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung: Vợ chồng thống nhất có khối tài sản chung là 01 ngôi nhà xây năm 2018, trị giá 220.000.000 đồng (Nhà được xây dựng trên đất của bố mẹ anh Nguyễn Doãn T2); 1 chiếc xe Airblade trị giá 24.000.000 đồng; số tiền 800 USD tương ứng với số tiền 16.000.000 đồng (chiếc xe máy và số tiền 800 USD chị Thảo quản lý, sử dụng). Trị giá tài sản chung của anh T2, chị T1 là 260.000.000 đồng.

Anh Nguyễn Doãn T2 được quyền sở hữu 01 ngôi nhà trị giá 220.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thị T1 được quyền sở hữu 01 xe máy nhãn hiệu Airblade trị giá 24.000.000 đồng và số tiền 800 USD (tương đương 16.000.000 đồng).

Anh Nguyễn Doãn T2 có nghĩa vụ trích chia giá trị chênh lệch tài sản cho chị Hoàng Thị T1 số tiền là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về khoản nợ: Chị T1, anh T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị T1 phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 3.250.000 đồng án phí chia tài sản chung. Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 7.300.000 đồng chị T1 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cửa Lò theo Biên lai thu số 0000257 ngày 20/12/2019, trả lại cho chị T1 số tiền 3.975.000 đồng. Chị T1 đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Doãn T2 phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 3.250.000 đồng án phí chia tài sản chung. Tổng là 3.325.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND Thị xã Cửa Lò ;
- THADS Thị xã Cửa Lò ;
- UBND p. Nghi H (nơi ĐKKH)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Lệ Hằng